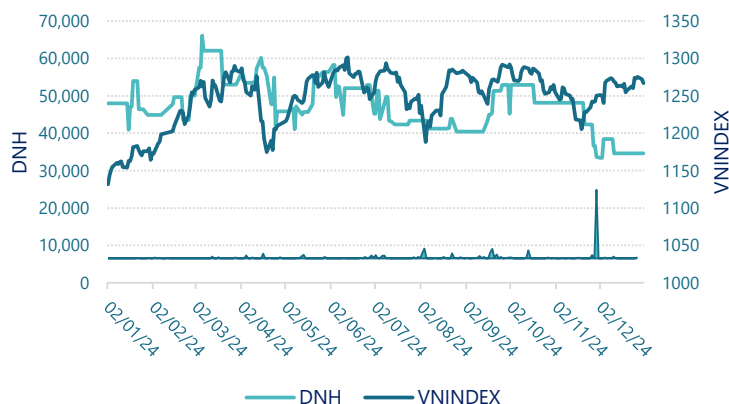


CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (UPCOM: DNH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	34,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	66,101
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	33,391
SL cổ phiếu LH	422,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	14,700
P/E	16.2
EPS	2,146

DT thuần

Q4/24

758

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 78.0 | 11.4%

YoY: ▲ 231 | 43.8%

LN sau thuế

Q4/24

404

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 122 | 43.1%

YoY: ▲ 216 | 115%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

55.6%

+/- YoY: ▼ 5.5%

DT thuần

2024

2,081

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 292 | -12.3%

LN sau thuế

2024

910

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 219 | -19.4%

ROE

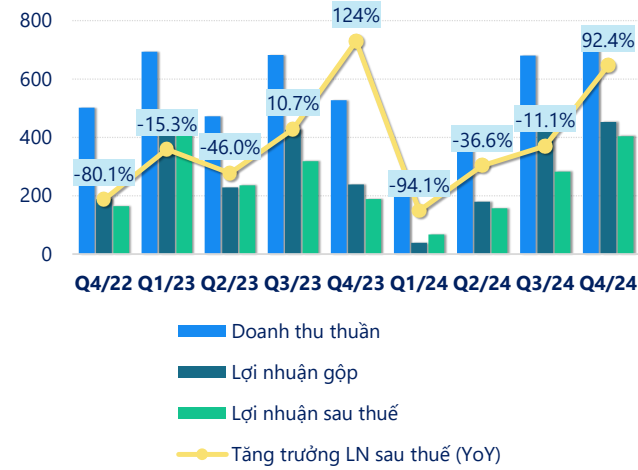
2024

17.2%

+/- YoY: ▼ 1.9%

tỷ VNĐ

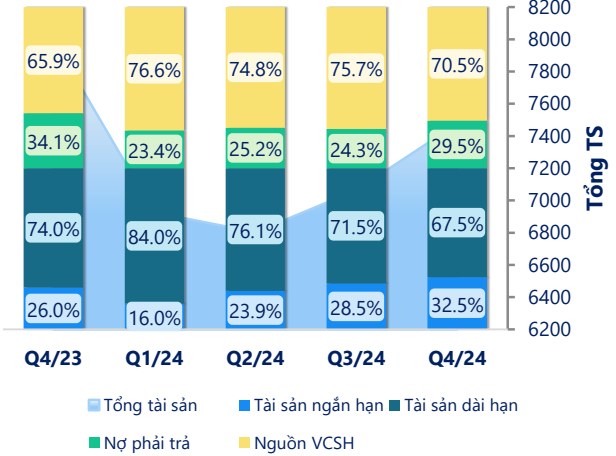
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

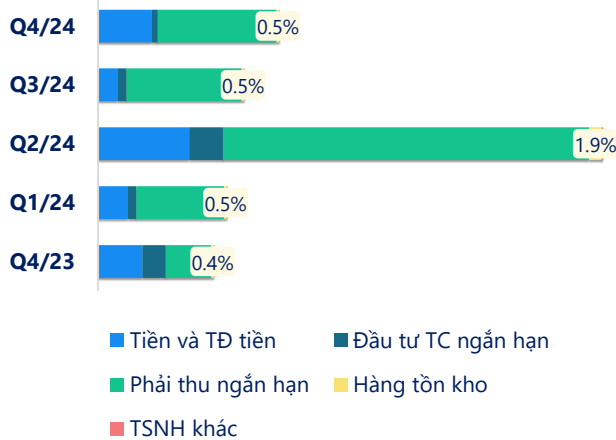
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



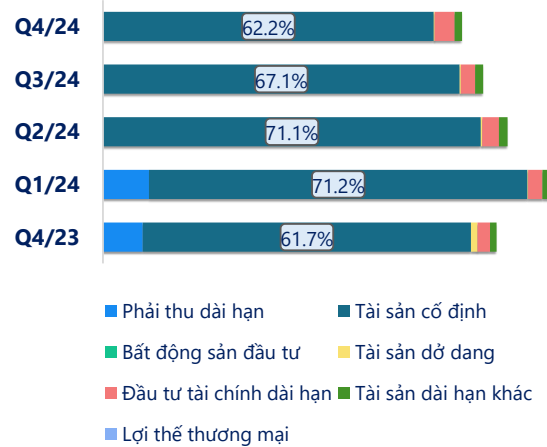
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

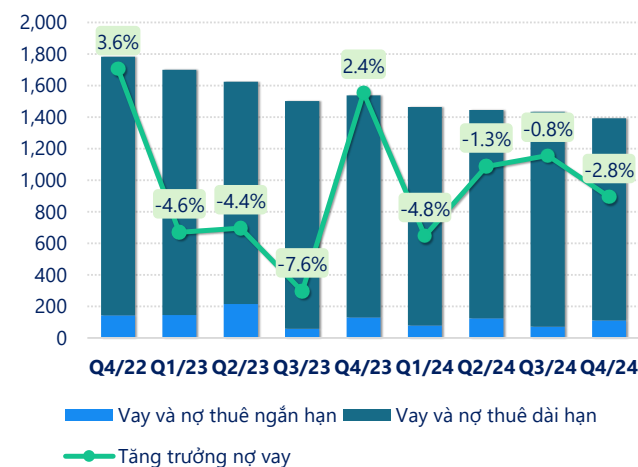
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

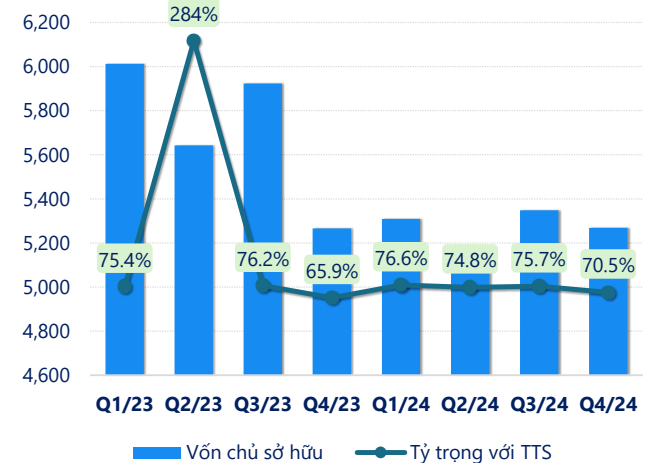
Nợ vay



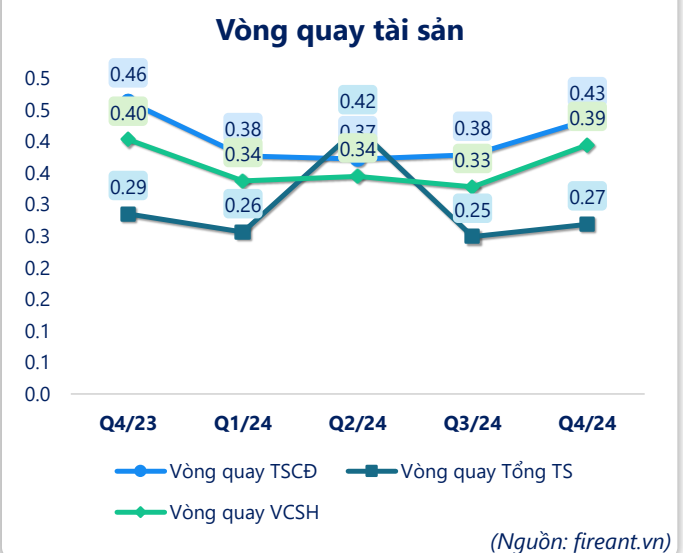
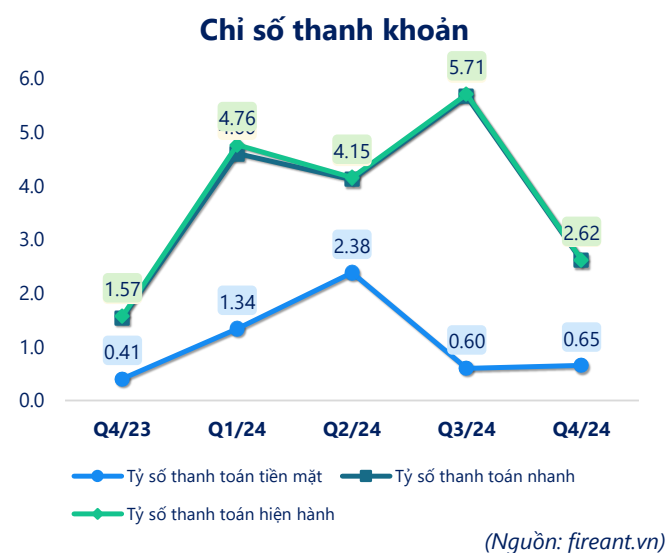
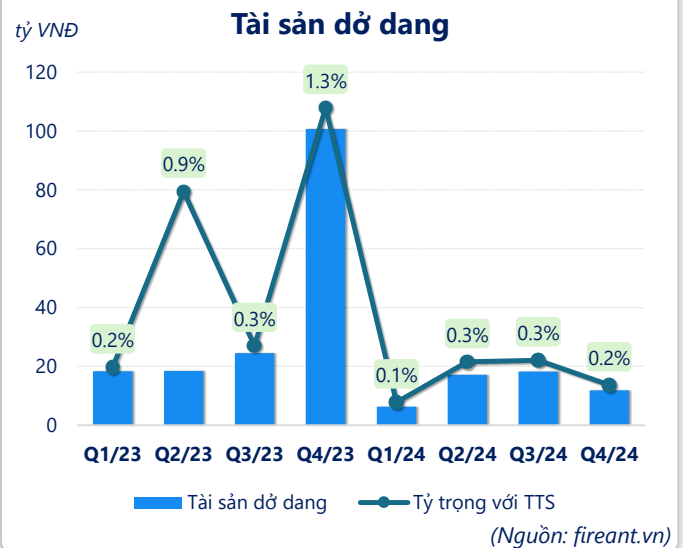
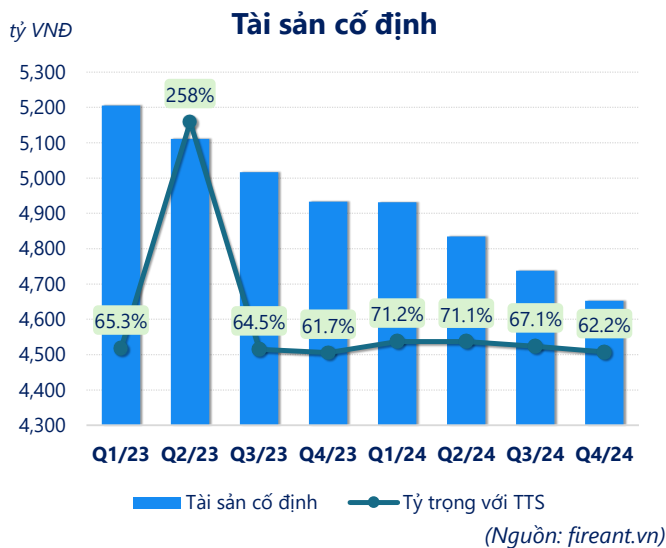
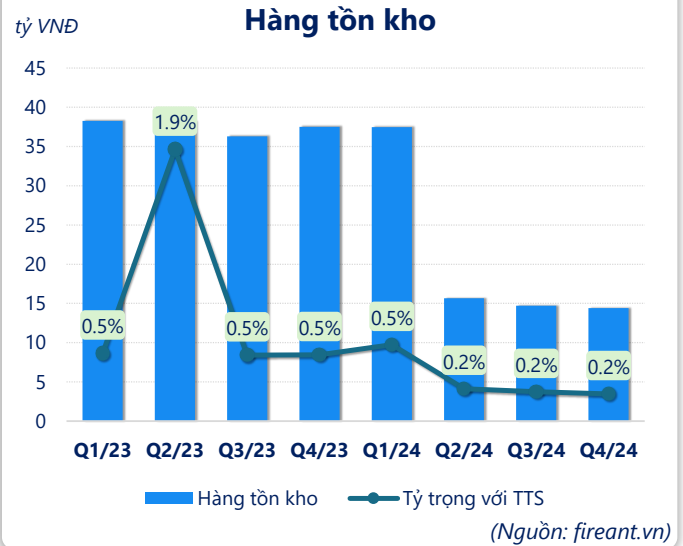
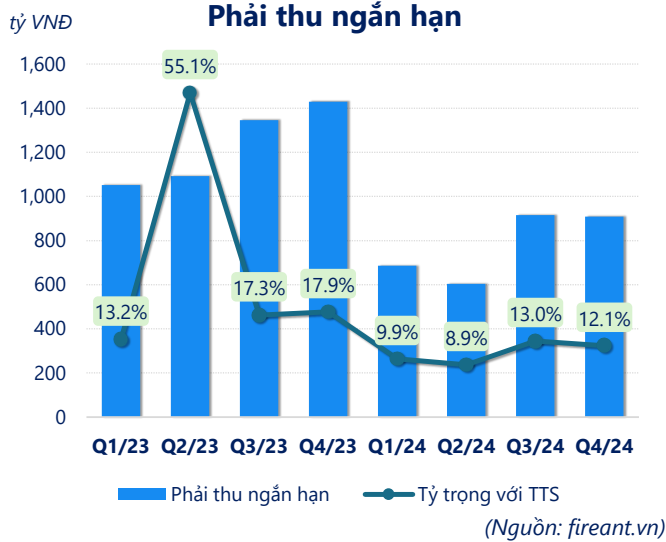
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	7,996	6,926	6,803	7,064	7,477
Tài sản ngắn hạn	2,078	1,110	1,628	2,013	2,428
Tiền và tương đương tiền	536	312	934	211	605
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.0	70.0	70.0	870	900
Phải thu ngắn hạn	1,429	686	604	915	908
Hàng tồn kho	37.5	37.5	15.7	14.7	14.4
Tài sản ngắn hạn khác	4.98	4.81	4.54	1.62	0.37
Tài sản dài hạn	5,918	5,816	5,175	5,051	5,049
Phải thu dài hạn	600	600	0	0	0
Tài sản cố định	4,933	4,932	4,835	4,738	4,653
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	101	6.31	17.1	18.2	11.9
Đầu tư tài chính dài hạn	188	186	214	187	281
Tài sản dài hạn khác	96.3	92.0	109	108	104
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,730	1,618	1,712	1,715	2,208
Nợ ngắn hạn	1,322	233	392	353	926
Vay và nợ thuê ngắn hạn	130	79.1	125	71.0	110
Phải trả người bán ngắn hạn	146	42.5	49.7	48.2	72.9
Nợ dài hạn	1,407	1,385	1,320	1,363	1,282
Vay và nợ thuê dài hạn	1,407	1,385	1,320	1,363	1,282
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,266	5,309	5,091	5,349	5,269
Vốn chủ sở hữu	5,266	5,309	5,091	5,349	5,269
Vốn điều lệ	4,224	4,224	4,224	4,224	4,224
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)